TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1734/2017/KDTM - ST
Ngày: 31/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Yến Nhi.

2. Ông Trần Quang Mẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*:

Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1983/2016/TLST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1859/2017/QĐXX-ST ngày 05/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2347/2017/QĐST-KDTM ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.
Địa chỉ: dường D, Phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê Anh V, trú tại đường N, tp. Q, tỉnh Bình Định và bà Phan Thị Diễm H, trú tại đường H, Phường P, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 09/9/2016).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần D.
Địa chỉ trụ sở chính: đường N, Phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ chi nhánh: đường H, Phường M, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Kim L, trú tại đường N, phường L, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền ngày 14/12/2016).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, đại diện bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S là ông Nguyễn Lê Anh V và bà Phan Thị Diễm H trình bày:

Vào ngày 02/01/2009, Công ty Cổ phần nước giải khát S (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Thương mại S, viết tắt là S, sau đây gọi tắt là Công ty S) ký "Hợp đồng kinh tế" số 003AHĐ/ASB với Công ty Cổ phần D (sau đây gọi tắt là Công ty D) về việc ký kết hợp đồng sản xuất, mua bán sản phẩm nước uống đóng chai hiệu Wami – Greenlines.

Theo nội dung hợp đồng, Công ty S đồng ý sản xuất và bán cho Công ty D sản phẩm nước uống đóng chai 330ml và nước uống đóng bình 18.9 lít, nhãn hiệu Wami – Greenlines. Cả hai bên cũng thống nhất về phương thức thanh toán: Vào cuối tháng, Công ty S sẽ xuất hóa đơn GTGT một lần và Công ty D sẽ thanh toán cho Công ty S bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt với thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn GTGT.

Từ ngày 11/6/2013 đến ngày 19/01/2014, Công ty S đã giao hàng cho Công ty D với mặt hàng cụ thể là nước uống đóng bình 18.9 lít và nước uống đóng chai 330ml (30 chai/thùng) hiệu Wami-Greenlines với tổng số tiền hàng là 232.689.931 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty D vẫn chưa thanh toán tiền mua hàng của đợt giao từ ngày 11/6/2013 đến ngày 19/01/2014. Trên tinh thần thiện chí, tin tưởng và trách nhiệm, Công ty S đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty D thanh toán công nợ cũng như đưa ra phương án để giúp đỡ công ty vượt qua khó khăn, cụ thể như sau:

- Ngày 25/2/2014, Công ty S đã gửi công văn yêu cầu Công ty D thanh toán nợ nhưng không nhận được phúc đáp từ phía Công ty D.

- Ngày 18/4/2014, Công ty S tiếp tục gửi công văn đề nghị Công ty D thanh toán khoản công nợ tiền hàng theo phương thức trả chậm, hàng tháng trả từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nhưng vẫn không nhận được bất cứ hồi âm nào từ phía Công ty D.

- Ngày 16/10/2014, Công ty S tiếp tục gửi công văn đề nghị Công ty D phúc đáp bằng văn bản kế hoạch thời gian thanh toán khoản công nợ tiền hàng.

Sau đó vào ngày 10/12/2014, Công ty D đã gửi công văn thông báo rằng hiện tại công ty không có khả năng thanh toán tiền nợ và hứa sẽ sớm thanh toán tiền nợ. Nhưng sau một thời gian chờ đợi, Công ty S vẫn không nhận được bất cứ khoản thanh toán nào từ phía Công ty D. Chính vì thế, ngày 24/12/2015, Công ty S tiếp tục gửi Công văn số 268/S đến Công ty D đề nghị thanh toán khoản công nợ tiền hàng nói trên. Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện tại, công ty D vẫn không chịu hợp tác và đưa ra kế hoạch trả nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty D phải trả cho Công ty Công ty S số tiền hàng chưa thanh toán của các đợt giao hàng từ ngày 11/6/2013 đến ngày 19/01/2014 là 232.689.931 đồng.

- Buộc Công ty D phải trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Tp. Hồ Chí Minh là 6%/năm trên số tiền chậm trả 232.689.931 đồng tính từ ngày 05/02/2014, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2017 là 49.9112.000 đồng.

* Bị đơn Công ty Cổ phần D có bà Trần Thị Kim L là đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tố tụng:

Từ năm 1998, Công ty D đã ký kết hợp đồng với Công ty S về việc mua bán sản phẩm nước uống đóng chai hiệu Wami. Trong giai đoạn đầu, công ty vẫn thanh toán đầy đủ các khoản tiền cho Công ty S. Từ đầu năm 2014 do tình trạng chung của các hãng cánh ngầm bị ngưng hoạt động nên dẫn đến tình trạng công ty bị mất khả năng chi trả các khoản tiền cho Công ty S. Hiện công ty sẽ cố gắng hoạt động trở lại và sẽ thanh toán khoản nợ công ty S là 232.689.931 đồng và lãi trong thời gian trả chậm là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 282.689.931 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có mặt, đại diện bị đơn vắng mặt, không bổ sung chứng cứ mới, không có ý kiến gì về các chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/3/2017.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đại diện bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Trong quá trình tố tụng, đại diện bị đơn đã thừa nhận công ty D còn nợ tiền mua hàng là 232.689.931 đồng và tiền lãi từ ngày 05/2/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó yêu cầu của nguyên đơn - Công ty S là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Công ty Cổ phần Thương mại S (Công ty S) khởi kiện bị đơn Công ty Cổ phần D (Công ty D) yêu cầu Công ty D thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng mua bán hàng hóa mà các bên đã giao kết; do vậy xác định đây là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các đương sự là các pháp nhân Việt Nam, bị đơn có trụ sở chính tại Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Xét ở phần thứ 3 của Điều 5 - Các điều khoản chung của "Hợp đồng kinh tế" số 003AHĐ/ASB ký ngày 02/02/2009 giữa Công ty Cổ phần nước giải khát S và Công ty Cổ phần D quy định: " Mọi tranh chấp phát

sinh nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra phân xử tại Tòa án kinh tế Tp. Hồ Chí Minh…": Thỏa thuận này của các bên là vô hiệu vì tranh chấp giữa các bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh như đã nhận định ở trên.

Về tư cách đương sự: Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Lê Anh V và bà Phan Thị Diễm H, bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Phan Thị Diễm H. Xét là sự tự nguyện, hợp lệ, không trái pháp luật nên chấp nhận.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, đại diện nguyên đơn tham gia đầy đủ khi có Giấy triệu tập của Tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Trần Thị Kim L sau khi nộp bản khai trình bày ý kiến của bị đơn vào ngày 15/12/2016, tham gia Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/3/2017 đã vắng mặt trong các buổi làm việc tiếp theo tại Tòa và đã vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai mặc dù đã được tống đạt hợp lệ mà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Vào ngày 02/01/2009, Công ty S ký "Hợp đồng kinh tế" số 003AHĐ/ASB với Công ty D về việc sản xuất, mua bán sản phẩm nước uống đóng chai Wami có nội dung chính: Công ty S sản xuất và bán cho Công ty D sản phẩm nước uống đóng chai 330mln đóng bình 18,9 lít nhãn hiệu Wami đạt tiêu chuẩn về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo đăng ký của Công ty S với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; phương thức thanh toán: Vào cuối tháng, Công ty S sẽ xuất hóa đơn GTGT một lần và Công ty D sẽ thanh toán cho Công ty S bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt với thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn GTGT. Ngoài ra hợp đồng còn quy định về một số quyền, nghĩa vụ của các bên.. Hình thức, nội dung các điều khoản cơ bản của bản hợp đồng kinh tế kể trên phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý, ràng buộc quyền, nghĩa vụ các bên tham gia. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ với nhau. Nhưng từ đợt giao hàng từ ngày 11/6/2013 đến ngày 19/01/2014, Công ty S đã giao hàng cho Công ty D hàng là nước bình Wami 18.9L và Wami – Greenlines 330ml với tổng số tiền là 232.689.931 đồng, mặc dù Công ty S đã nhiều lần có công văn yêu cầu Công ty D thanh toán tiền mua hàng nhưng Công ty D vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Thực tế ngày 10/12/2014 Công ty D phát hành công văn số 50/CVKTGL-2014 gửi Công ty S xác nhận khoản nợ 232.689.969 đồng trên, tại bản khai ngày 15/12/2016, biên bản hòa giải ngày 17/3/2017 đại diện hợp pháp của bị đơn cũng đã xác nhận trách nhiệm thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty S yêu cầu bị đơn Công ty D thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng nước uống đóng chai hiệu Wami còn nợ là 232.689.931 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty S yêu cầu bị đơn Công ty D phải trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Tp. Hồ Chí Minh là 6%/năm (0,5%/tháng) trên số tiền chậm trả 232.689.931 đồng tính từ ngày 05/02/2014 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm 31/8/2017 (42 tháng 27 ngày): Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 thì bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm có quyền yêu

cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo lãi suất 6%/năm là có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận, do đó bị đơn phải trả thêm khoản lãi là: 232.689.931 đồng x 0,5%/tháng x 42 tháng + 232.689.931 đồng x 0,5 % : 30 ngày x 27 ngày = 49.912.000 đồng (làm tròn).

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo luật định. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184; Điều 185; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Pháp lệnh;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

Tuyên bố thỏa thuận tại phần thứ 3 của Điều 5 - Các điều khoản chung của "Hợp đồng kinh tế" số 003AHĐ/ASB ký ngày 02/02/2009 giữa Công ty Cổ phần S và Công ty Cổ phần D là vô hiệu.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Công ty Cổ phần S:

Buộc Công ty Cổ phần D trả cho Công ty Cổ phần S các khoản nợ theo "Hợp đồng kinh tế" số 003AHĐ/ASB ký ngày 02/01/2009 giữa Công ty Cổ phần nước giải khát S (nay là Công ty Cổ phần Thương mại S - S) và Công ty Cổ phần D gồm: Số tiền nợ mua hàng là 232.689.931 (hai trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn, chín trăm ba mươi mốt) đồng; tiền lãi tạm tính do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 05/02/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2017 theo lãi suất 6%/năm trên số tiền chậm trả là 49.912.000 (bốn mươi chín triệu, chín trăm mười hai ngàn) đồng, tổng cộng: 282.601.931 (hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm lẻ một ngàn, chín trăm ba mươi mốt) đồng .

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần D chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số chậm trả theo lãi suất trung bình trên thị trường, tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

2. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty Cổ phần D phải chịu án phí là 14.130.097 đồng (Mười bốn triệu, một trăm ba mươi ngàn, chín mươi bảy) đồng.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.067.248 (Bảy triệu, sáu mươi bảy ngàn, hai trăm bốn mươi bảy) đồng theo biên lai thu số AA/2014/0004710 ngày 16/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Công ty Cổ phần D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./ .

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Q.1;
- CC THADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Việt Trung